

Số: 666/2020/QĐST-HNGĐ

H, ngày 15 tháng 12 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

- Căn cứ vào các Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 658/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/11/2020 tại Tòa án nhân dân quận B.

Người yêu cầu:

- **Anh Nguyễn Mai B**, sinh năm 1981. HKTT và nơi ở: 105B- C6 phố N, quận C, thành phố H.

- **Chị Triệu Thị Thùy T**, sinh năm 1982. HKTT và nơi: Số 527 phố K, phường N1, quận B, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận C, thành phố H, số đăng ký 180, quyển số 02, ngày 13/11/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T yêu cầu Tòa án nhân dân quận B công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày

07/12/2020 tại Tòa án nhân dân quận B là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Triệu Bảo N, sinh ngày 16/5/2014. Ly hôn, anh B và chị T thống nhất thỏa thuận: Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo N, anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng kể từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, anh chị tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T xác nhận không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T thống nhất thỏa thuận: Anh B chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Triệu Bảo N, sinh ngày 16/5/2014.

Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của anh B và chị T: Giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Triệu Bảo N. Anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng kể từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Mai B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét. Sau khi ly hôn, anh chị tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Anh Nguyễn Mai B và chị Triệu Thị Thùy T không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết, nên Tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Mai B tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số 0001041 ngày 03/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận B;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH
- Các đương sự;
- Tòa án ND TP. H;
- Chi cục THA DS quận B
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Sen